

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2025

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quỳnh;

2. Bà Lương Thị Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hờ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huế- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Sùng Thị D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn M, xã P, tỉnh Lào Cai; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Trang A K, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn M, xã P, tỉnh Lào Cai; có mặt.

3. **Người phiên dịch tiếng Mông:** Ông Thào A D1; địa chỉ tổ D, phường N, tỉnh Lào Cai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-5-2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sùng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trang A K đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống như vợ chồng từ năm 2010, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái, chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trang A K nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người

đàn ông khác, nên thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, lần gần đây nhất là ngày 16-5-2025 anh K đánh và bóp cổ chị D. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trang A K.

Về con chung: Chị và anh Trang A K có 02 con chung là Trang Thị C, sinh ngày 25-04-2012 và Trang A D2, sinh ngày 17-9-2015. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con là Trang Thị C, để anh K được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con là Trang A D2. Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Trang A K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trang A K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Sùng Thị D đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn.

Sau khi về chung sống như vợ chồng từ năm 2010, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái, chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Sùng Thị D có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến hơn một tháng nay thì chị D đã bỏ đến thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái, sống cùng chị gái của chị D là Sùng Thị D3 ở cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh và chị Sùng Thị D có 02 con chung là Trang Thị C, sinh ngày 25-04-2012 và Trang A D2, sinh ngày 17-9-2015. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Sùng Thị D tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-6-2025 cháu Trang Thị C1 và Trang A D2 cùng trình bày: Đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ về đoàn tụ vì các cháu muốn được sống cùng cả bố và mẹ, còn nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên hòa giải chị Sùng Thị D và anh Trang A K không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa chị D và anh K thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là Trang Thị C, sinh ngày 25-04-2012 và Trang A D2, sinh ngày 17-9-2015 cho anh

K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Sùng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền; sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã thông báo việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 của BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuy nhiên sau khi kết thúc phiên họp bị đơn không ký vào biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Trang A K.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa chị Sùng Thị D và anh Trang A K theo đó giao cho giao 02 con chung là Trang Thị C, sinh ngày 25-04-2012 và Trang A D2, sinh ngày 17-9-2015 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Sùng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị Sùng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng: Nguyên đơn chị Sùng Thị D khởi kiện anh Trang A K, địa chỉ thôn M, P, tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập là thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái); đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái nay là Tòa án nhân dân khu vực 5- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị D và anh Trang A K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010; việc chung sống như vợ chồng được thể hiện tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy khai sinh của các con, giấy xác nhận

thông tin về cư trú và lời khai của các đương sự. Tuy nhiên giữa chị D và anh K không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy hôn nhân giữa chị Sùng Thị D và anh Trang A K là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Quá trình chung sống chị D và anh K phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K nghi ngờ chị D có quan hệ ngoại tình với người khác nên thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ, khoảng tháng 5 năm 2025 chị D đã bỏ đến thôn H, xã P, tỉnh Lào Cai, sống cùng chị gái là Sùng Thị D3 từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn anh Trang A K, anh K xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị D và không nhất trí ly hôn. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Trang A K.

[3] Con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giữa chị Sùng Thị D và anh Trang A K có 02 con chung là Trang Thị C, sinh ngày 25-4-2012 và Trang A D2, sinh ngày 17-9-2015. Tại phiên tòa chị D và anh K thống nhất thỏa thuận giao cho anh Trang A K trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Trang Thị C và Trang A D2 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Sùng Thị D không phải cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị D và anh K là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hội đồng xét xử công nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo:*

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 262; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Trang A K.

2.2. Con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con là Trang Thị C, sinh ngày 25-4-2012 và Trang A D2, sinh ngày 17-9-2017 cho anh T A Khây trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Chị Sùng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2023/0000493 ngày 21-5-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị Sùng Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Trang A K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Phình Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa